



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN xxx:2026/BXD

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CÔNG VIÊN, CÂY XANH**

National Technical Regulation on Parks and Green Spaces

(DỰ THẢO 2)

HÀ NỘI - 2026

Lời nói đầu

QCVN xxx:2026/BXD do Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng (Bộ Xây dựng) biên soạn, Vụ Khoa học, công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng) thẩm định, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2026.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CÔNG VIÊN, CÂY XANH

National Technical Regulation on Parks and Green Spaces

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu quản lý bắt buộc phải tuân thủ trong hoạt động đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình công viên và đầu tư trồng mới, cải tạo cây xanh sử dụng công cộng tại đô thị và khu dân cư nông thôn.

1.2 Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình công viên và đầu tư trồng mới, cải tạo cây xanh sử dụng công cộng.

1.3 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu được viện dẫn dưới đây là cần thiết trong việc áp dụng quy chuẩn này. Trường hợp các tài liệu viện dẫn được sửa đổi, bổ sung và thay thế thì áp dụng theo phiên bản mới nhất.

QCVN 01:2026/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch đô thị và nông thôn;

QCVN 02:2022/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;

QCVN 10:2024/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng;

QCVN 07-2:2023/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước;

QCVN 07-3:2023/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình hào và tuy nèn kỹ thuật;

QCVN 07-4:2023/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình giao thông đô thị;

QCVN 07-5:2023/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp điện;

QCVN 07-7:2023/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình chiếu sáng;

QCVN 07-9:2023/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng;

QCVN 13:2018/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Gara ô-tô;

QCVN 17:2018/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời.

1.4 Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.4.1 Cây xanh

Cây được chọn trồng hoặc cây mọc tự nhiên được giữ lại trong đô thị và khu dân cư nông thôn (gồm cây bóng mát, cây bụi, cây dây leo, cây thân thảo).

1.4.2 Cây xanh sử dụng công cộng

Các loại cây xanh trong không gian đường phố; không gian công viên, vườn hoa, quảng trường và các không gian công cộng khác trong đô thị và khu dân cư nông thôn.

1.4.3 Cây xanh đường phố

Các loại cây xanh trong không gian đường phố bao gồm hè phố, dải phân cách, đảo giao thông.

1.4.4 Công viên

Khu vực được sử dụng với mục đích công cộng với chức năng bảo vệ và phát triển các nguồn thiên nhiên, tạo cảnh quan, cải thiện môi trường sinh thái hoặc tạo không gian vui chơi, nghỉ ngơi, thư giãn, giải trí cho tất cả mọi người.

1.4.5 Công viên cây xanh

Một loại công viên đơn năng được thiết kế với chức năng chính tạo cảnh quan, không gian xanh, cải thiện môi trường sinh thái, trên đó xây dựng các công trình tương đối đơn giản và tổ chức hoạt động nghỉ ngơi, dạo bộ, thể dục thể thao đơn giản.

1.4.6 Công viên đa chức năng

Một loại công viên được thiết kế để sử dụng với nhiều chức năng bao gồm tạo cảnh quan, cải thiện môi trường sinh thái, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, thoát nước mưa và các mục đích khác.

1.4.7 Sân chơi

Công trình cảnh quan có diện tích và kích thước không lớn được thiết kế để cung cấp không gian an toàn cho trẻ em và người sử dụng khác thể hiện sự sáng tạo, tương tác xã hội và vận động vui chơi; trên đó trồng các loại cây xanh và xây dựng các công trình tương đối đơn giản hoặc được lắp đặt các thiết bị công viên.

1.4.8 Thảm cỏ

Công trình cảnh quan được tạo lập theo phương pháp nhân tạo và trồng cỏ, trên đó có thể trồng cây hoặc lắp đặt các thiết bị công viên.

1.4.9 Thiết bị công viên

Thiết bị đồ chơi vận động cho trẻ em (cầu trượt, xích đu, bập bênh, đu quay,...) hoặc thiết bị thể dục công viên (máy đi bộ lắc tay, máy kéo tay, xà đơn,...).

1.4.10 Vườn hoa

Một loại công trình công viên cây xanh có diện tích và kích thước nhỏ dưới 1 ha.

2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1 Yêu cầu chung

2.1.1 Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình công viên hoặc đầu tư trồng mới, cải tạo cây xanh sử dụng công cộng tại đô thị và khu dân cư nông thôn phải phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có tính đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các yếu tố tự nhiên theo QCVN 02:2022/BXD.

2.1.2 Thiết kế, trồng, duy trì, chăm sóc, bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh sử dụng công cộng phải đảm bảo cây xanh không được làm ảnh hưởng tới an toàn giao thông, làm hư hại công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, không gây nguy hiểm tới người sử dụng và môi trường sống của cộng đồng.

2.1.3 Thiết kế, đầu tư xây dựng công viên phải đảm bảo các hạng mục công trình trong công viên được bố trí đáp ứng các yêu cầu về công năng và an toàn trong quá trình hoạt động; đảm bảo để người gặp khó khăn khi tiếp cận có thể tiếp cận sử dụng theo quy định tại QCVN 10:2024/BXD.

2.2 Công viên

2.2.1 Phân loại công viên

2.2.1.1 Công viên cấp đô thị:

Công viên có quy mô diện tích sử dụng đất từ 5 ha trở lên.

2.2.1.2 Công viên cấp đơn vị ở:

Công viên có quy mô diện tích sử dụng đất dưới 5 ha.

CHÚ THÍCH: Vườn hoa là một loại công viên cấp đơn vị ở.

2.2.2 Các khu chức năng chủ yếu

2.2.2.1 Khu cây xanh:

Khu trồng cây xanh hoặc thảm cỏ.

2.2.2.2 Khu mặt nước:

Mặt nước tự nhiên được bảo tồn hoặc mặt nước nhân tạo (hồ cảnh quan, hồ điều hòa).

2.2.2.3 Công trình phụ trợ:

Sân chơi, nhà nghỉ ngơi, công trình trang trí (đài phun nước, tượng đài,...),

nhà vệ sinh công cộng, nhà bảo vệ và công trình phụ trợ khác.

2.2.2.4 Công trình hạ tầng kỹ thuật:

Đường giao thông nội bộ, đường dạo, bãi đỗ xe; công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải (nếu có); thu gom và lưu giữ chất thải rắn; cấp điện, chiếu sáng.

2.2.2.5 Khu chức năng có mục đích kinh doanh:

Khu đất để xây dựng các công trình có mục đích kinh doanh (công trình thể thao, văn hóa hoặc công trình thương mại, dịch vụ).

2.2.3 Yêu cầu về sử dụng đất trong công viên

2.2.3.1 Các loại đất trong công viên đô thị:

- Đất dành cho cây xanh, mặt nước.
- Đất dành cho xây dựng công trình phụ trợ.
- Đất dành cho xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Đất dành cho công trình có mục đích kinh doanh.

2.2.3.2 Cơ cấu sử dụng đất trong công viên được xác định theo Bảng 1.

Bảng 1 - Tỷ lệ sử dụng đất trong công viên đô thị

Loại hình - Hạng mục	Tỷ lệ diện tích đất (%)
1. Công viên đa chức năng	100
1.1. Đất dành cho cây xanh, mặt nước	≥ 60
1.2. Đất dành cho xây dựng công trình phụ trợ	≥ 10
1.3. Đất dành cho xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật	≥ 15
1.4. Đất dành cho công trình có mục đích kinh doanh	≤ 15
2. Công viên cây xanh, vườn hoa	100
2.1. Đất dành cho cây xanh, mặt nước	≥ 70
2.2. Đất dành cho xây dựng công trình phụ trợ	≥ 10
2.3. Đất dành cho xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật	≥ 15
2.4. Đất dành cho công trình có mục đích kinh doanh	≤ 5
CHÚ THÍCH 1: Yêu cầu tại Bảng 2 được áp dụng đối với các dự án đầu tư, xây dựng mới. Đối với các dự án cải tạo, nâng cấp hoặc đầu tư xây dựng tại các công	

Loại hình - Hạng mục	Tỷ lệ diện tích đất (%)
viên đô thị hiện hữu có thể sử dụng để tham khảo, áp dụng. CHÚ THÍCH 2: Đất dành cho công trình có mục đích kinh doanh không quá 5ha. CHÚ THÍCH 3: Vườn hoa có diện tích dưới 5.000m ² không bố trí đất dành cho công trình có mục đích kinh doanh.	

2.2.4 Yêu cầu về tổ chức không gian và cảnh quan

2.2.4.1 Công viên cần được tổ chức, phân chia rõ ràng không gian giữa các khu chức năng và đáp ứng cơ cấu sử dụng đất tùy theo loại hình công viên được quy định tại Bảng 1.

2.2.4.2 Công viên cấp đô thị có quy mô diện tích sử dụng đất từ 10 ha trở lên được ưu tiên bố trí theo hình thức công viên đa chức năng.

2.2.4.3 Tổ chức hệ thống cây xanh và mặt nước trong công viên đô thị

- Thiết kế, trồng phát triển cây xanh trong công viên phải tuân thủ theo yêu cầu đối với cây xanh sử dụng công cộng tại điểm 2.3.2 của Quy chuẩn này.

- Lựa chọn trồng các loài cây xanh đa chủng loại phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng; xác định các khu vực bảo tồn cây xanh, các hệ sinh thái tự nhiên (nếu có) để bảo đảm sự đa dạng sinh học. Trồng cây theo từng lớp cao, trung, thấp để tạo cảnh quan đa tầng và không gian thoáng đãng.

- Diện tích mặt nước trong các công viên không quá 30% tổng diện tích toàn công viên (trừ khu vực bố trí hồ điều hòa để phục vụ yêu cầu chống ngập úng đô thị). Các khu vực mặt nước hiện hữu trong công viên có diện tích từ 2.000 m² trở lên phải có biện pháp bảo tồn, cải tạo.

2.2.4.4 Việc thiết kế các công trình trang trí trong công viên phải mang tính điểm nhấn, không quá nhiều để bảo đảm khả năng duy trì.

2.2.4.5 Trên khu đất công viên có các di tích văn hóa, lịch sử đã được xếp hạng thì không được xây dựng các công trình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xung quanh và các công trình không liên quan đến việc phục vụ nghỉ ngơi giải trí.

2.2.5 Yêu cầu về an ninh, an toàn

2.2.5.1 Bố trí kết hợp giữa xây dựng nhà bảo vệ (bốt gác bảo vệ) và lắp đặt hệ thống camera để thực hiện giám sát, bảo vệ công viên.

2.2.5.2 Các loại cây và các công trình cảnh quan khác trong công viên phải được lựa chọn và bố trí sao cho không cản trở sự giám sát, không tạo ra các điểm khuất hoặc làm giảm tầm nhìn.

2.2.5.3 Bố trí hệ thống chiếu sáng ở các lối đi, khu vực nghỉ ngơi và các điểm quan trọng trong công viên để đảm bảo kiểm soát được an ninh, an toàn vào ban đêm.

2.2.5.4 Bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm tại những khu vực có nguy cơ thiếu an toàn; có chỉ dẫn, hướng dẫn về việc thực hiện các biện pháp ứng phó trong trường hợp khẩn cấp.

2.2.6 Yêu cầu về tiện ích và công năng

2.2.6.1 Trong tất cả các loại công viên phải thiết kế có sân chơi; lắp đặt, bố trí ghế ngồi hoặc khu vực có mái che để tránh nắng, mưa.

2.2.6.2 Công viên đa chức năng phải tích hợp tiện ích, công năng đa dạng và bắt buộc phải thiết kế bảo đảm có các tiện ích, công năng bao gồm:

- Các khu vực có không gian rộng để tổ chức các hoạt động cộng đồng hoặc khu vực có thể dễ dàng thay đổi công năng để tổ chức các hoạt động cộng đồng (như triển lãm, hội chợ, biểu diễn nghệ thuật, hoạt động văn hóa,...).

- Khu vui chơi có gắn các thiết bị đồ chơi vận động cho trẻ em.

- Khu thể thao bao gồm khu vực có gắn thiết bị thể dục công viên và các sân bãi (như sân bóng đá, tennis, bóng rổ, cầu lông,...).

- Khu vực phục vụ hoạt động dã ngoại, cắm trại.

- Khu vực dịch vụ bán đồ ăn uống.

2.2.7 Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường

2.2.7.1 Tổ chức giao thông:

- Hệ thống giao thông chính, giao thông kết nối công viên với giao thông bên ngoài tuân thủ các quy định tại QCVN 07-4:2023/BXD.

- Tối thiểu 50% chu vi công viên tiếp giáp với đường.

- Lắp đặt các cột chắn, rào chắn, hàng cây xung quanh hoặc hàng rào để ngăn chặn các phương tiện đi lại trái phép vào công viên.

- Các khu vực trong công viên được liên kết thông qua hệ thống cầu đường dành cho người đi bộ, người đi xe đạp và các lối mòn.

- Công viên có diện tích từ 10 ha trở lên phải có hệ thống đường nội bộ cho các phương tiện vận tải cỡ nhỏ, lắp đặt các nhà chờ (có mái che, ghế ngồi, thùng rác).

- Bố trí bãi đỗ xe nằm trong hoặc ngoài phạm vi công viên để đáp ứng nhu cầu sử dụng của công viên. Đối với công viên đa chức năng, công viên có diện tích trên 10ha phải bố trí bãi đỗ xe trong phạm vi công viên.

- Ưu tiên thiết kế, xây dựng bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe thông minh trong phạm vi công viên đô thị để phục vụ cho nhu cầu của công viên đô thị và các nhu cầu công cộng khác của đô thị.

- Các hạng mục công trình phục vụ đỗ xe ô tô phải tuân thủ QCVN 13:2018/BXD.

2.2.7.2 Cấp điện, chiếu sáng:

- Chỉ tiêu cấp điện cho công viên áp dụng theo QCVN 01:2021/BXD. Các công trình cấp điện trong công viên phải tuân thủ QCVN 07-5:2023/BXD.

- Trong công viên phải bố trí hệ thống chiếu sáng bảo đảm yêu cầu về độ chói, độ rọi, an toàn và tiết kiệm năng lượng. Chiếu sáng nghệ thuật cho các công trình trang trí trong công viên. Các công trình chiếu sáng trong công viên

phải tuân thủ QCVN 07-7:2023/BXD.

- Khuyến khích lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời, năng lượng gió để cung cấp điện cho công viên.

2.2.7.3 Thu gom và thoát nước mặt:

- Công viên phải xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mặt riêng. Các công trình thoát nước trong công viên phải tuân thủ QCVN 07-2:2023/BXD.

- Đối với công viên nằm trong khu vực đô thị, bố trí hồ nước hoặc hồ điều hòa hoặc bể chứa nước ngầm phục vụ yêu cầu thoát nước của công viên và khu vực lân cận (nếu có).

- Ưu tiên sử dụng vật liệu thấm nước cho các bề mặt đường giao thông, sân chơi trong công viên.

2.2.7.4 Thu gom và xử lý nước thải:

- Công viên phải xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng và đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của đô thị theo quy hoạch được phê duyệt.

- Không gian ngầm trong công viên được xây dựng công trình xử lý nước thải phục vụ cho công viên và khu vực lân cận theo quy hoạch được phê duyệt.

- Các công trình xử lý nước thải được xây dựng trong phạm vi công viên phải tuân thủ QCVN 01:2021/BXD và QCVN 07-2:2023/BXD.

2.2.7.5 Vệ sinh công cộng:

- Trong công viên phải bố trí các thùng rác công cộng có phân loại rác theo quy định, khoảng cách giữa các thùng rác công cộng không quá 100 m.

- Công viên đa chức năng phải bố trí điểm tập kết chất thải rắn để thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của công viên.

- Công viên nằm trong khu vực đô thị có diện tích từ 2 ha trở lên phải bố trí nhà vệ sinh công cộng theo các hình thức: cố định hoặc di động hoặc kết hợp trong các công trình xây dựng trong công viên. Công trình nhà vệ sinh công cộng phải tuân thủ QCVN 07-9:2023/BXD.

2.2.7.6 Cấp nước, tưới tiêu:

- Các công trình cấp nước cho các hoạt động sử dụng nước sạch của công viên phải tuân thủ QCVN 07-1:2023/BXD.

- Bố trí hệ thống tưới cây tự động hoặc bán tự động cho toàn bộ các khu cây xanh hoặc ở các nơi khó tiếp cận để bảo đảm cây xanh luôn được cung cấp nước.

- Bố trí các điểm lấy nước hoặc đấu nối nước từ các hồ, hồ điều hòa hoặc bể chứa nước ngầm để phục vụ sử dụng nước cho hoạt động tưới cây, rửa đường, phòng cháy, chữa cháy.

- Hệ thống đường dây, đường ống trong công viên nằm trong khu vực đô thị phải đi ngầm bảo đảm tuân thủ theo QCVN 07-3:2023/BXD.

2.2.8 Yêu cầu về thông tin

2.2.8.1 Bố trí bảng thông tin về công viên và các sự kiện, dịch vụ hỗ trợ du khách tại các điểm tiếp cận đầu vào của công viên. Có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân.

2.2.8.2 Trong công viên phải bố trí các biển chỉ dẫn đến các khu chức năng rõ ràng, dễ nhận biết để bảo đảm thuận tiện cho người sử dụng.

2.2.8.3 Đối với công viên cấp đô thị, các bảng thông tin, chỉ dẫn, cảnh báo phải có song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh.

2.2.8.4 Xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời trong phạm vi công viên tuân thủ theo QCVN 17:2018/BXD.

2.2.9 Duy trì, bảo dưỡng

Các hạng mục trong công viên phải được duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ trong suốt thời hạn sử dụng nhằm đảm bảo chức năng sử dụng theo thiết kế.

2.3 Cây xanh sử dụng công cộng

2.3.1 Phân loại cây xanh sử dụng công cộng

2.3.1.1 Cây bóng mát:

Bao gồm các loại cây có thân gỗ lớn, tán lá rộng và dày tạo bóng râm, ngăn cản ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp xuống mặt đất và được chia thành các loại như sau:

- Cây gỗ nhỏ (loại 1): Là cây bóng mát có chiều cao trưởng thành dưới 10,0 m.

- Cây gỗ trung bình (loại 2): Là cây bóng mát có chiều cao trưởng thành trung bình từ trên 10,0 m đến 15,0 m.

- Cây gỗ lớn (loại 3): Là cây bóng mát có chiều cao trưởng thành lớn hơn 15,0 m.

2.3.1.2 Cây bụi:

Bao gồm các loại cây thân có thể hóa gỗ, thân chính không có hoặc kém phát triển, cành nhánh phát triển từ gốc của thân chính, có chiều cao trưởng thành thấp.

2.3.1.3 Cây dây leo:

Bao gồm các loại cây thân mềm hoặc bán cứng, có thói quen sinh trưởng leo bám vào vật thể hoặc thân cây kéo dài.

2.3.1.4 Cây thân thảo:

Bao gồm các loại cây có thân mềm, không hóa gỗ và thường có vòng đời ngắn hơn so với cây thân gỗ.

2.3.2 Yêu cầu chung đối với hệ thống cây xanh sử dụng công cộng

2.3.2.1 Tổ chức hệ thống cây xanh sử dụng công cộng phải bảo đảm chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng và đáp ứng yêu cầu về quy hoạch không gian cây xanh, đất cây xanh được quy định tại QCVN 01:2021/BXD.

2.3.2.2 Việc lựa chọn chủng loại và trồng cây xanh phải mang bản sắc địa phương, phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng, đồng thời đảm bảo đáp

ứng các yêu cầu về sử dụng, mỹ quan, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường đô thị; hạn chế làm hư hỏng các công trình cơ sở hạ tầng trên mặt đất và dưới mặt đất cũng như trên không.

2.3.2.3 Cây xanh đưa ra trồng phải bảo đảm:

- Đối với cây gỗ nhỏ có chiều cao tối thiểu từ 2,0 m trở lên và đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn từ 4,0 cm trở lên.
- Đối với cây gỗ trung bình và cây gỗ lớn có chiều cao tối thiểu từ 3,0 m trở lên và đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn từ 5,0 cm trở lên.
- Tán cây cân đối, không sâu bệnh, thân cây thẳng.

2.3.3 Yêu cầu đối với trồng cây xanh đường phố

2.3.3.1 Cây xanh đường phố và các dải cây phải hình thành một hệ thống cây xanh liên tục và hoàn chỉnh, không trồng quá nhiều loại cây trên một tuyến phố. Trồng từ một đến hai loại cây xanh đối với các tuyến đường, phố có chiều dài dưới 2 km. Trồng từ một đến ba loại cây đối với các tuyến đường, phố có chiều dài từ 2 km trở lên hoặc theo từng cung, đoạn đường.

2.3.3.2 Cây xanh được trồng trên hè phố:

- Cây bóng mát được trồng trên hè phố phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2 - Yêu cầu kỹ thuật khi trồng cây bóng mát trên hè phố

Số TT	Loại cây bóng mát	Khoảng cách trồng (m)	Khoảng cách tối thiểu với lề đường (m)	Chiều rộng vỉa hè (m)
1	Cây gỗ nhỏ (loại 1)	4 - 8	0,6	3 - 5
2	Cây gỗ trung bình (loại 2)	8 - 12	0,8	> 5
3	Cây gỗ lớn (loại 3)	12 - 15	1	> 5

- Đối với các tuyến đường có chiều rộng hè phố dưới 5 m, cây bóng mát được trồng ở khoảng trước tường ngăn giữa hai nhà phố, tránh trồng giữa cổng hoặc trước chính diện nhà dân.

- Đối với các tuyến đường nhỏ có chiều rộng hè phố hẹp dưới 3 m, đường cải tạo, bị khống chế về mặt bằng và không gian thì cần tận dụng những cây hiện có hoặc trồng tại những vị trí thừa công trình, ít vướng đường dây trên không và không gây hư hại các công trình sẵn có, có thể trồng dây leo theo trụ hoặc đặt chậu cây.

- Cây xanh được trồng cách các góc phố 5 m - 8 m tính từ điểm lề đường giao nhau gần nhất, không gây ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông.

- Cây xanh được trồng cách các họng cứu hỏa trên đường 2 m - 3 m.

2.3.3.3 Cây xanh được trồng trên dải phân cách:

- Đối với các dải phân cách có bề rộng dưới 2 m trồng cỏ, các loại cây bụi thấp, cây trang trí; hạn chế trồng cây bóng mát. Trường hợp trồng cây bóng mát, cây được trồng phải là cây gỗ nhỏ và áp dụng các biện pháp bảo đảm cây được sinh trưởng tốt, không ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng giao thông và an toàn giao thông.

- Đối với các dải phân cách có bề rộng từ 2 m trở lên có thể trồng các loại cây gỗ nhỏ hoặc cây gỗ trung bình có chiều cao và bề rộng tán lá không gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông; trồng cách điểm đầu dải phân cách, đoạn qua lại giữa hai dải phân cách khoảng 3 m - 5 m để đảm bảo an toàn giao thông.

2.3.3.4 Khoảng cách giữa các cây trồng được quy định tùy thuộc vào loại cây hoặc theo từng vị trí cụ thể của quy hoạch trên khu vực, đoạn đường.

2.3.3.5 Cây xanh được trồng cách mạng lưới đường dây, đường ống kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, cáp ngầm); các cột đèn chiếu sáng và miệng hố ga từ 1m - 2m.

2.3.3.6 Cây xanh được trồng dọc mạng lưới đường dây dẫn điện phải đảm bảo các quy định liên quan đến hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện theo quy định của pháp luật về điện lực.

2.3.3.7 Tại các trụ cầu, cầu vượt, bờ tường, đường sắt đô thị trên cao, nghiên cứu thiết kế bố trí trồng dây leo để tạo thêm mảng xanh cho đô thị, có khung với chất liệu phù hợp cho dây leo để bảo vệ công trình. Tại các nút giao thông quan trọng ngoài việc phải tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn giao thông tổ chức trồng cỏ, cây bụi, hoa tạo thành mảng xanh để tăng mỹ quan đô thị.

2.3.3.8 Ô đất trồng cây xanh đường phố

- Kích thước và loại hình ô đất trồng cây được sử dụng thống nhất đối với cùng một loại cây trên cùng một tuyến phố, trên từng cung hay đoạn đường.

- Xung quanh ô đất trồng cây trên đường phố hoặc khu vực sở hữu công cộng (có hè đường) phải có giải pháp thiết kế gờ để giữ đất tránh làm bẩn hè phố hoặc các hình thức thiết kế khác để bảo vệ cây, tạo hình thức trang trí; cảnh báo cho người khuyết tật nhìn bằng các biện pháp theo quy định tại QCVN 10:2024/BXD.

- Tận dụng các ô đất trồng cây bố trí trồng cỏ, cây bụi, hoa tạo thành khóm xung quanh gốc cây hoặc thành dải xanh để tăng vẻ đẹp cảnh quan đô thị.

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1 Quy chuẩn này bắt buộc áp dụng khi đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình công viên và đầu tư trồng mới, cải tạo cây xanh sử dụng công cộng tại đô thị và khu dân cư nông thôn.

3.2 Các yêu cầu riêng đối với đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình công viên và đầu tư trồng mới, cải tạo cây xanh sử dụng công cộng tại đô

thị được quy định tại Quy chuẩn này được khuyến khích áp dụng khi đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình công viên và đầu tư trồng mới, cải tạo cây xanh sử dụng công cộng tại khu dân cư nông thôn.

3.3. Quy định chuyển tiếp:

3.3.1 Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình công viên và dự án đầu tư trồng mới, cải tạo cây xanh sử dụng công cộng đã được phê duyệt trước khi quy chuẩn này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm được phê duyệt; người quyết định đầu tư được quyền lựa chọn quyết định áp dụng Quy chuẩn này.

3.3.2 Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình công viên và dự án đầu tư trồng mới, cải tạo cây xanh sử dụng công cộng được phê duyệt kể từ thời điểm quy chuẩn này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Quy chuẩn này.

4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

4.1 Mọi tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động liên quan đến đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình công viên và đầu tư trồng mới, cải tạo cây xanh sử dụng công cộng.

4.2 Các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng tại các địa phương có trách nhiệm tổ chức kiểm tra sự tuân thủ Quy chuẩn này trong lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình công viên và đầu tư trồng mới, cải tạo cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1 Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn áp dụng Quy chuẩn này cho các đối tượng có liên quan.

5.2 Trong quá trình thực hiện Quy chuẩn này, nếu có vướng mắc, mọi ý kiến gửi về Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng (Bộ Xây dựng) để được hướng dẫn và xử lý./.